

Phương Sài, ngày 20 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO CÔNG KHAI
Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục của nhà trường

Căn cứ theo Điều 9 Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Trường THCS Phan Sào Nam báo cáo công khai kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục của nhà trường như sau:

I. Kế hoạch hoạt động giáo dục năm học 2024-2025

1. Kế hoạch tuyển sinh lớp 6 năm học 2024-2025

Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch số 64/KH-PSN ngày 03/7/2024 về Kế hoạch tuyển sinh vào lớp 6 năm học 2024-2025.

a) Đối tượng dự tuyển: Phải có hồ sơ hợp lệ và có đủ các điều kiện sau:

- Là người đã hoàn thành chương trình tiểu học.
- Tuổi của học sinh vào học lớp 6 là 11 tuổi. Đối với những học sinh được học vượt lớp ở cấp học trước hoặc học sinh vào cấp học ở độ tuổi cao hơn tuổi quy định thì tuổi vào lớp 6 được giảm hoặc tăng căn cứ vào tuổi của năm tốt nghiệp cấp học trước.
- Học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật, học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, học sinh người Việt Nam ở nước ngoài về nước có thể vào cấp học ở tuổi cao hơn 3 tuổi so với tuổi quy định.

- Học sinh có thể lực tốt và phát triển sớm về trí tuệ có thể vào học trước tuổi hoặc học vượt lớp trong phạm vi cấp học phải có đầy đủ thủ tục theo qui định

b) Phạm vi tuyển sinh: học sinh có thông tin cư trú tại phường Phương Sơn và xã Vĩnh Hiệp

c) Chỉ tiêu tuyển sinh: 180 học sinh/04 lớp.

d) Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển.

e) Thời gian thực hiện tuyển sinh

- Tiếp nhận hồ sơ tuyển sinh vào lớp 6: 15-19/7/2024
- Hội đồng tuyển sinh vào lớp 6 làm việc: 20-24/7/2024
- Báo cáo kết quả tuyển sinh về Phòng Giáo dục và Đào tạo: 24/7/2024.

2. Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2024-2025

Ngay từ đầu năm học, nhà trường đã ban hành Kế hoạch số 79/KH-PSN ngày 27/8/2024 về kế hoạch giáo dục của nhà trường năm học 2024-2025, trong đó xác định:

2.1. Mục tiêu chung

- Triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018 bảo đảm thực hiện và hoàn thành chương trình năm học; củng cố và nâng cao chất lượng giáo dục trung học.
- Tiếp tục thực hiện công tác quy hoạch phát triển mạng lưới trường, lớp, đội ngũ giáo viên và cơ sở vật chất, thiết bị dạy học bảo đảm yêu cầu triển khai Chương trình GDPT 2018; nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở (THCS); thực hiện hiệu quả công tác phân luồng học sinh sau THCS.
- Đẩy mạnh chuyển đổi số, đổi mới cơ chế quản lý giáo dục; thực hiện quản trị trường học dân chủ, kỷ cương, nền nếp, chất lượng và hiệu quả giáo dục trong các cơ sở giáo dục trung học.
- Tăng cường đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh; đa dạng hóa các hình thức giáo dục, đẩy mạnh các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, nghiên cứu khoa học của học sinh; triển khai ứng dụng công nghệ số trong dạy và học.
- Tập trung phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình GDPT 2018; chú trọng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giáo viên, bảo đảm đủ giáo viên theo môn học để tổ chức dạy học các môn học trong Chương trình.
- Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống; bảo đảm an toàn trường học; chủ động, linh hoạt thực hiện kế hoạch năm học, chủ động phòng, chống và ứng phó hiệu quả với thiên tai, dịch bệnh.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Kết thúc năm học 2024-2025, kết quả giáo dục của trường đạt được:

a. Chỉ tiêu về kết quả học tập và rèn luyện

Khối	Kết quả rèn luyện				Kết quả học tập			
	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
6	65%	30%	5%	0%	30%	35%	32%	3,0%
7	60%	35%	5%	0%	30%	35%	32%	3,0%
8	60%	35%	5%	0%	30%	35%	32%	3,0%
9	60%	35%	5%	0%	30%	35%	35%	0,0%

b. Chỉ tiêu chất lượng các môn học và hoạt động giáo dục

- Chỉ tiêu chất lượng các môn học đánh giá bằng điểm số:

STT	Môn	Đạt trở lên
1.	Toán	85%
2.	KHTN	90%
3.	Công nghệ	98%
4.	Ngữ văn	88%
5.	L.Sử & Đ.lý	98%
6.	GDCD	98%
7.	Tiếng Anh	85%
8.	Tin học	90%

- Chỉ tiêu chất lượng các môn học đánh giá bằng nhận xét:

STT	Môn	Đạt trở lên
9.	GDTC	98%
10.	Nghệ thuật	98%
	+ Âm nhạc	98%
	+ Mỹ thuật	98%
11.	GD địa phương	98%
12.	HĐTN-HN	98%

c. Các chỉ tiêu khác

- + Thi học sinh giỏi cấp thành phố : Có HS dự thi và có giải
- + Thi học sinh giỏi cấp tỉnh : Có HS dự thi và có giải
- + Thi khoa học kỹ thuật cấp thành phố : Có HS dự thi và có giải
- + Thi khoa học kỹ thuật cấp tỉnh : Có HS dự thi và có giải
- + Lên lớp thẳng : 96% trở lên
- + Ở lại lớp (sau thi lại) : dưới 2%
- + Bỏ học : dưới 1%
- + Tốt nghiệp THCS : 100%
- + Trúng tuyển lớp 10 THPT công lập : 55% trở lên

3. Quy chế phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội

Ngay từ đầu năm học, nhà trường cùng Ban đại diện cha mẹ học sinh xây dựng quy chế phối hợp hoạt động giữa Ban Đại diện cha mẹ học sinh và Trường THCS Phan Sào Nam theo đúng Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh ban hành kèm theo Thông tư số 55/2011/TT-BGĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

4. Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh

Hằng năm, nhà trường có kế hoạch giáo dục hòa nhập cho HS khuyết tật, HS có hoàn cảnh khó khăn, và HS gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện; kế hoạch bồi dưỡng HS có năng khiếu; kế hoạch phụ đạo cho HS yếu kém; kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, ngoài giờ lên lớp, các hoạt động ngoại khóa...

II. Kết quả hoạt động giáo dục năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				Ghi chú
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	
I	Kết quả tuyển sinh						
	Lớp 6	169	169				
II	Tổng số học sinh theo từng khối	567	172	169	141	85	Cuối năm
1	Số lượng học sinh nam/học sinh nữ	277/290	89/83	90/79	64/77	34/51	
2	Học sinh là người dân tộc thiểu số	1				1	
3	Học sinh khuyết tật	4	2		1	1	
III	Số học sinh bình quân/lớp theo từng khối	43,6	43	42,3	47	42,5	
IV	Số học sinh học 2 buổi/ngày	0					
V	Số lượng học sinh chuyển trường	0					
VI	Số lượng học sinh được tiếp nhận học tại trường	0					
VII	Kết quả học tập và rèn luyện của học sinh (đối với cấp THCS và THPT)						
1	Số học sinh chia theo kết quả học tập	567	172	169	141	85	
a	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	151 (26,7%)	49 (28,5%)	46 (27,2%)	40 (28,4%)	16 (18,8%)	
b	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	190 (33,5%)	62 (36%)	54 (32%)	42 (29,8%)	32 (37,6%)	
c	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	194 (34,2%)	49 (28,5%)	57 (33,7%)	51 (36,2%)	37 (43,6%)	
d	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	32 (5,6%)	12 (7%)	12 (7,1%)	8 (5,6%)	0	
2	Số học sinh chia theo kết quả rèn luyện	567	172	169	141	85	
a	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	363 (64 %)	102 (59,3%)	110 (65,1%)	94 (66,6%)	57 (67%)	
b	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	181 (31,9%)	64 (37,2%)	50 (29,6%)	40 (28,4%)	27 (31,8%)	
c	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	23 (4,1%)	6 (3,5%)	9 (5,3%)	7 (5%)	1 (1,2%)	

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				Ghi chú
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	
d	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	
VIII	Tổng hợp kết quả cuối năm						
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	94,4%	93%	93%	94,3%	100%	
a	Trong đó: HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)	26,6%	28,5%	27,2%	28,4%	18,8%	
b	HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)					3	
...	...						
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)	0					
IX	Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình	535	160	157	133	85	
	Trung học cơ sở	85				85	
X	Số lượng học sinh được cấp bằng tốt nghiệp	85				85	
	Tốt nghiệp THCS	85				85	
XI	Số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp (đối với cấp THCS và THPT)						
	Trung học cơ sở						
	Trung học phổ thông						

Trên đây là báo cáo công khai Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục của Trường THCS Phan Sào Nam./.

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

Phan Thành Chung